

Bản án số: 227/2017/HC-PT
Ngày 07 tháng 9 năm 2017
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Tú Oanh

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 167/2016/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 282/2016/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2016/QĐ-PT ngày 01/12/2016, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: 37/7A tổ 78, khu phố S, phường AK, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn P, Sinh năm: 1958; Trú tại: 40/12 đường MH, khu phố B, phường BA, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Võ Thanh Kh; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, quận M, thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Cảnh Ph – Có mặt

2/ Ủy ban nhân dân quận H – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân quận H:

- Ông Trần Cảnh Ph – Có mặt.

- Ông Phan Hoàng Anh T – Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Nh – Có mặt

3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân phường AK, quận H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn G - Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/6/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 367/TTg về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị mới TT.

Ngày 10/5/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao 621,4328 ha đất để xây dựng Khu đô thị mới TT. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đo đạc Địa chính và Công trình lập và Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 03 tháng 5 năm 2002.

Ngày 23/11/2009, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 16095/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà Nguyễn Thị H.

Ngày 06/01/2010, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng gửi toàn bộ số tiền bồi thường vào Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn.

Ngày 19/4/2010, Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định cưỡng chế số 5045/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị H.

Ngày 20/8/2012, bà Nguyễn Thị H bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thực hiện dự án.

Ngày 03/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định

số 13148/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống đối với bà Nguyễn Thị H với số tiền là 1.000.000 đồng.

Ngày 05/9/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 10640/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H với nội dung giữ nguyên Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận H.

Ngày 16/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 4244/QĐ-UBND về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận H.

Ngày 18/7/2013, bà Nguyễn Thị H đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường hỗ trợ thiệt hại, tái định cư và lãi suất ngân hàng.

Ngày 09/10/2014, Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4973/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, có nội dung: “Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 10640/QĐ-UBND-TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Giao Ủy ban nhân dân Quận H xem xét, giải quyết hỗ trợ bổ sung đối với phần diện tích rạch 501,68m² do bà Nguyễn Thị H cải tạo sử dụng trước ngày 15/10/1993 theo đúng chỉ đạo của ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 785/UBND-PCNC ngày 22/02/2014”.

Ngày 06/01/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 159/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Nguyễn Thị H với số tiền là 22.575.600 đồng. Ngày 12/01/2015, bà H đã nhận số tiền bổ sung trên tại Phiếu chi số 0266.

Ngày 07/8/2015, bà Nguyễn Thị H khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu hủy Quyết định 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Văn P đề nghị hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của ủy ban nhân dân Quận H ban hành về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư;

- Quyết định số 13148/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của ủy ban nhân dân Quận H ban hành về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống đối với bà Nguyễn Thị H với số tiền là 1.000.000 đồng;

- Quyết định 13149/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của ủy ban nhân dân Quận H hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư;

- Quyết định 13150/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của ủy ban nhân dân Quận H thưởng do chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường giải phóng mặt

bằng;

- Quyết định số 10640/QĐ-UBND-TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận H ban hành về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H;

- Quyết định 2170/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 của ủy ban nhân dân Quận H hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư;

- Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của ủy ban nhân dân Quận H về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009;

- Quyết định số 4938/QĐ-UBND-TTr ngày 06/8/2013 của ủy ban nhân dân Quận H hỗ trợ tiền thuê nhà;

- Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H;

- Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của ủy ban nhân dân Quận H ban hành về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Nguyễn Thị H.

Theo ông P những chứng cứ pháp lý để hủy các quyết định trên đó là:

Nguyên nhà đất tại số 3 7/7A tổ 78 (trong hồ sơ bồi thường xác định là căn nhà không số), khu phố S, phường AK, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là của gia đình có nguồn gốc mua lại miếng đất ao, ruộng của bà Nguyễn Thị I với diện tích là 1500 m² và ông Lê Văn L với diện tích là 700 m² vào thời điểm 1991, 1992 (có kê khai nhà đất năm 1999) và xây dựng nhà cấp 4 để ở từ năm 1992. Sau đó, gia đình bà H có nới rộng căn nhà cấp 4 và tiếp tục buôn bán vật liệu xây dựng đối với lô đất thuê của ủy ban nhân dân phường AK.

Việc ủy ban nhân dân phường AK xác nhận tình trạng pháp lý là nhà bà H xây dựng sau thời điểm năm 1998 là không đúng dẫn đến việc bồi thường chưa đúng, diện tích bồi thường thiếu gần 400 m². Vì vậy, đề nghị Tòa án hủy các quyết định bồi thường nói trên, buộc ủy ban nhân dân Quận H bồi thường:

- Diện tích 200 m² đất ở trước ngày 15/10/1993;

- Tái định cư đất nền diện tích 200 m² và bố trí căn hộ chung cư diện tích 200 m² theo giá tái định cư;

- Bồi thường thêm diện tích 400 m²;

- Tách hồ sơ bồi thường cho con bà H là ông Nguyễn Thế Nh với diện tích 300 m² theo giấy tay cho đất ngày 06/9/1996.

Người bị kiện ủy ban nhân dân Quận H ủy quyền cho ông Phạm Hoàng Anh T, bà Nguyễn Thị Ngọc Nh trình bày:

Ngày 24/9/2009, ủy ban nhân dân phường AK có xác nhận hồ sơ pháp lý

nhà, đất số 1772/UBND đối với phần nhà đất tọa lạc tại vị trí Không số, khu phố S, phường AK, Quận H thuộc một phần thửa 50, 51, tờ bản đồ số 16, một phần thửa 18, tờ bản đồ số 18, phường AK (Bản đồ địa chính năm 2002) do bà Nguyễn Thị H là chủ sử dụng như sau:

“Nguồn gốc đất nông nghiệp do Hợp tác xã nông nghiệp giao khoán cho bà Nguyễn Thị I sử dụng từ năm 1976. Ngày 25/11/1992 bà I chuyển nhượng một phần đất cho bà Nguyễn Thị H sử dụng. Cùng năm, bà H mua lại một phần đất của ông Lê Văn L và sử dụng. Ngày 10/12/1999 bà H được ủy ban nhân dân Quận H cấp GCNQSDĐ số Q428312 với diện tích 1.521m², loại đất vườn và vườn + ao. Sau tháng 01/1999 (trước 20/12/2001) gia đình bà H xây dựng nhà để ở và sử dụng đến nay”.

Ngày 17/11/2009, Hội đồng Bồi thường Khu đô thị mới TT đã ký bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 3802/AK đối với bà Nguyễn Thị H như sau:

A. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

- Đất ở chuyển mục đích sử dụng từ sau ngày 16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001 (có GCNQSDĐNN):

$$194,44\text{m}^2 \times 2.380.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 0,3 = 138.830.160 \text{ đồng.}$$

- Đất nông nghiệp san lấp trước 20/12/2001 (có GCNQSDĐNN + chưa có GCN):

$$1.190,64\text{m}^2 \times 200.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,0 = 238.128.000 \text{ đồng.}$$

- Đất nông nghiệp san lấp sau 2002:

$$296,86\text{m}^2 \times 150.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,0 = 44.529.000 \text{ đồng.}$$

- Đất nông nghiệp san lấp trước 20/12/2001 (có GCNQSDĐNN + chưa có GCN):

- Rạch theo TL 299/TTg cải tạo sử dụng trước 15/10/1993:

$$501,68\text{m}^2 \times 150.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 0,5 = 37.626.000 \text{ đồng.}$$

- Rạch theo bản đồ 2002 (không tính bồi thường): 68,50m²

B. Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc: 187.042.520 đồng.

C. Bồi thường thiệt hại về trang thiết bị và tài sản khác: 0 đồng.

D. Bồi thường thiệt hại về hoa màu và cây ăn trái: 28.928.000 đồng.

E. Các khoản hỗ trợ khác: 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị bồi thường hỗ trợ thiệt hại là: 678.083.680 đồng.

* về chính sách tái định cư:

Đối với đất ở:

+ Trường hợp tái định cư: Diện tích tiêu chuẩn được mua căn hộ chung cư theo giá không kinh doanh là: $80,00\text{m}^2$ (*Diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định*).

+ Trường hợp không nhận tái định cư thì được hỗ trợ bằng tiền:

$$80,00\text{m}^2 \times 8.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 640.000.000 \text{ đồng.}$$

- Đối với đất nông nghiệp: Diện tích mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư tiêu chuẩn được hưởng từ chính sách tái định cư đối với đất nông nghiệp được quy đổi, cụ thể như sau: $1.487,50\text{m}^2 \times 4,5\% = 66,9375\text{m}^2$.

+ Trường hợp mua căn hộ chung cư: Diện tích tiêu chuẩn được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư là: $66,9375\text{m}^2$ (*Diện tích thực tế khi bố trí nếu có chênh lệch so với diện tích tiêu chuẩn sẽ được thanh toán bù trừ bằng tiền theo quy định*).

+ Trường hợp nhận toàn bộ tiền hỗ trợ từ chính sách tái định cư: $66,9375\text{m}^2 \times 16.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.071.000.000 \text{ đồng.}$

Căn cứ các quy định trên, đối chiếu với phần nhà đất tọa lạc tại vị trí không số, khu phố S, phường AK, Quận H thuộc một phần thửa 50, 51, tờ bản đồ số 16, một phần thửa 18, tờ bản đồ số 18, phường AK (Bản đồ địa chính năm 2002) do bà Nguyễn Thị H là chủ sử dụng có nguồn gốc đất nông nghiệp do Hợp tác xã nông nghiệp giao khoán cho bà Nguyễn Thị I sử dụng từ năm 1976. Ngày 25/11/1992, bà I chuyển nhượng phần đất cho bà Nguyễn Thị H sử dụng. Cùng năm, bà H mua lại một phần đất của ông Lê Văn L và sử dụng. Ngày 10/12/1999, bà H được Ủy ban nhân dân Quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 428312 với diện tích 1.521m^2 , loại đất vườn và vườn + ao. Sau tháng 01/1999 (trước ngày 20/12/2001) gia đình bà H xây dựng nhà để ở và sử dụng đến nay. Phần Diện tích $662,62\text{m}^2$ chênh lệch giữa hiện trạng bồi thường và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: $501,68\text{m}^2$ là rạch cải tạo sử dụng từ năm 1992; $190,94\text{m}^2$ là phần đất ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do bà H mua lại năm 1992 và sử dụng. Do đó, ủy ban nhân dân Quận H đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị H diện tích $194,44\text{m}^2$ theo đơn giá đất ở chuyển mục đích sử dụng từ sau ngày 16/9/1998 đến trước ngày 20/12/2001; diện tích $1.190,64\text{m}^2$ theo đơn giá đất nông nghiệp san lấp trước 20/12/2001; diện tích $296,86\text{m}^2$ theo đơn giá đất nông nghiệp san lấp sau 2002; hỗ trợ diện tích $501,68\text{m}^2$ rạch theo TL 299/TTg cải tạo sử dụng trước 15/10/1993, và giải quyết chính sách tái định cư là đúng quy định theo phương án. Việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 682/2016/HC-ST ngày 30/6/2016, Tòa án

nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 30, Điều 103, Điều 104, Điều 54, điểm b khoản 2 Điều 163 Luật Tổ tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1/Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc hủy các quyết định:

- Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của Ủy ban nhân dân Quận H ban hành về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư; - Quyết định số 13148/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của ủy ban nhân dân Quận H ban hành về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung hỗ trợ ổn định đời sống đối với bà Nguyễn Thị H với số tiền là 1.000.000 đồng; - Quyết định 13149/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của ủy ban nhân dân Quận H hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư; - Quyết định 13150/QĐ-UBND ngày 03/12/2012 của Ủy ban nhân dân Quận H thưởng do chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng; - Quyết định số 10640/QĐ-UBND-TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Quận H ban hành về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H; - Quyết định 2170/QĐ-UBND ngày 09/04/2013 của Ủy ban nhân dân Quận H hỗ trợ tiền thuê nhà tạm cư; - Quyết định số 4244/QĐ-UBND ngày 16/7/2013 của ủy ban nhân dân Quận H về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009; - Quyết định số 4938/QĐ-UBND-TTr ngày 06/8/2013 của ủy ban nhân dân Quận H hỗ trợ tiền thuê nhà; - Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Thành phố ban hành về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H; - Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của Ủy ban nhân dân Quận H ban hành về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà Nguyễn Thị H.

2/Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc buộc Ủy ban nhân dân Quận H phải bồi thường diện tích 200 m² đất ở trước ngày 15/10/1993, tái định cư đất nền diện tích 200 m² và bố trí căn hộ chung cư diện tích 200m² theo giá tái định cư; Bồi thường thêm diện tích 400m²; Tách hồ sơ bồi thường cho con bà H là ông Nguyễn Thế Nhân với diện tích 300 m² theo giấy tay cho đất ngày 06/9/1996.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2016 người khởi kiện bà Nguyễn Thị H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị huỷ các Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 10640/QĐ-UBND – TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H và Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của Ủy ban nhân dân quận H.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng nghĩa với việc không rút quyết định đã ban hành; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ kiện.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, huỷ các Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 10640/QĐ-UBND – TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch UBND quận H và Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của UBND quận H, vì các quyết định này sai về nội dung bồi thường. Bồi thường thiếu đất, thiếu hạn mức và không tách hồ sơ cho con bà H để bồi thường riêng. Bà H xây nhà năm 1991, tuy nhiên do lúc này việc quản lý đất đai chưa rõ ràng nên bà H không làm thủ tục xin phép xây dựng. Mặc dù vậy, việc sử dụng đất của bà H đã được Ủy ban nhân dân phường xác nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy: Cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu huỷ các Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 10640/QĐ-UBND – TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch UBND quận H và Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của UBND quận H là có cơ sở, bởi lẽ:

- Các Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 10640/QĐ-UBND – TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch UBND quận H và Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của UBND quận H được ban hành đúng thủ tục, đúng thẩm quyền.

- Năm 1999 bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích 1.500m² đất nông nghiệp, bà H không khiếu nại gì. Việc bà H tự ý xây nhà trên đất nông nghiệp mà không chuyển đổi mục đích sử dụng đất là trái quy định về quản lý đất đai của Nhà nước.

- Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện thì UBND quận H đã giải quyết bồi thường giải toả và giải quyết chính sách tái định cư cho hộ bà Nguyễn

Thị H theo đúng các quy định về bồi thường trong giải toả, thu hồi đất và đúng các phương án đề ra.

- Bà H kháng cáo cho rằng phải được bồi thường 200m² diện tích đất ở do nhà đã được xây dựng trước ngày 15/10/1993 nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn P (đại diện theo ủy quyền của bà H) không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc xây dựng nhà trước thời điểm năm 1998, trong khi xác nhận của UBND phường AK thể hiện nhà được bà H xây dựng từ sau 01/1999. Theo ông P trình bày thì biên lai đóng thuế năm 1993, 1994 của nhà bà H thể hiện nội dung có đóng thuế nhà đất tại địa chỉ bị thu hồi đất. Tuy nhiên, biên lai thu thuế chỉ thể hiện nội dung đóng thuế đất, không có mục nào ghi là đóng thuế nhà. Mặt khác, cũng chưa đủ căn cứ thể hiện việc bà H đóng thuế đất cho căn nhà bị thu hồi.

- Ngoài ra ông P còn trình bày, trong hồ sơ bồi thường đối với mặt bằng kinh doanh tại địa chỉ 37/7A tổ 78, khu phố S, phường AK, quận H, TPHCM của gia đình bà H, UBND phường AK có văn bản xác định nguồn gốc đất là bà H nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn L năm 1991, cùng năm bà H đã xây cất nhà trên phần đất này, và đã được bồi thường 80m² diện tích đất ở cho nên phần nhà đất mà bà H đang khởi kiện cũng có nguồn gốc mua từ ông L thì mặc nhiên phải được bồi thường theo loại đất ở trước ngày 15/10/1993. Xét thấy lời trình bày này của đương sự là không có căn cứ bởi lẽ đây là hai hồ sơ bồi thường độc lập, đối với hồ sơ bồi thường nhà đất tại địa chỉ 37/7A tổ 78, khu phố S, phường AK, quận H, TPHCM gia đình bà H đã đồng ý và không có khiếu nại.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy kháng cáo của bà H là không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 30; 115; 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc hủy các quyết định:

- Quyết định số 16095/QĐ-UBND ngày 23/11/2009 của UBND quận H ban hành về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư

- Quyết định số 10640/QĐ-UBND -TTr ngày 05/9/2012 của Chủ tịch UBND quận H ban hành về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H

- Quyết định số 4973/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H

2/ Án phí hành chính phúc thẩm 200.000đ, bà Nguyễn Thị H phải chịu (được khấu trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai thu số 03177, ngày 27/7/2016).

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Tp.HCM(1);
- VKSND Tp.HCM(1);
- Cục THADS Tp.HCM(1);
- NKK (1)
- NBK (3)
- NLQ (1)
- Lưu VP (3), 15b, (an22).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Tú Oanh